

Bản án số: 11/2018/LĐ-PT  
Ngày: 11/9/2018  
V/v tranh chấp đơn phương chấm  
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân;

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hữu Xuân;  
Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:  
Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2018/TLPT-LĐ ngày 30/7/2018 về việc “tranh chấp do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 15/2018/LĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐ-PT ngày 15/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1987; nơi thường trú: Ấp Đ, xã X1, huyện H1, thành phố Sóc Trăng; tạm trú: Khu phố P, phường PH1, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông TG, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 13, ấp HY, xã X2, huyện H2, tỉnh Bình Phước, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 17/10/2017).

- Bị đơn: Công ty TNHH The CS; địa chỉ: Số XY, khu phố B, phường TP, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Lầu 1, số X, đường DG1, Phường P3, Quận QN, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 03/2018/UQ ngày 15/3/2018).

- Người kháng cáo: Ông TG là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung của bản án sơ thẩm:*

*Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông TG thống nhất trình bày:* Ông Phạm Văn L đã có thời gian làm việc tại Công ty TNHH Nhà máy CT (sau đây viết tắt là Công ty Nhà máy CT); địa chỉ: Khu phố KP2, phường P4, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Vào năm 2015, ông L và Công ty Nhà máy CT ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với mức lương và phụ cấp là 7.225.000 đồng/tháng. Vào khoảng đầu tháng 10/2016, phía Công ty Nhà máy CT đã cho chuyển toàn bộ máy móc và trang thiết bị ngành may cùng một số lao động sang Công ty TNHH The CS (sau đây viết tắt là Công ty CS); địa chỉ: Số XY, khu phố B, phường TP, thị xã T, tỉnh Bình Dương để lắp ráp thiết bị, máy móc. Ngày 25/10/2016, toàn bộ lao động của Công ty Nhà máy CT trong đó có ông L đã chuyển qua làm việc tại Công ty CS. Ông L làm việc tại Công ty CS được 06 ngày, đến ngày 31/10/2016 phía Công ty CS cho dán 02 danh sách “công nhân được làm việc và không được làm việc tại Công ty TNHH The CS” trước công Công ty CS. Ban chấp hành Công đoàn cơ sở của Công ty Nhà máy CT đã mời Công đoàn ngành Dệt - May tỉnh Bình Dương đến làm việc, giải quyết tranh chấp giữa người lao động với Công ty CS. Tuy nhiên, ông L vẫn không được nhận trở lại Công ty CS làm việc. Nhận thấy, việc làm của Công ty là trái quy định của pháp luật nên ông Phạm Văn L đã khởi kiện Công ty Nhà máy CT tại Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. TAND thị xã TA đã đưa vụ án ra xét xử và giải quyết bằng Bản án lao động sơ thẩm số 37/2017/LĐ-ST ngày 29/12/2017. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm số 37/2017/LĐ-ST ngày 29/12/2017 của TAND thị xã TA không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc yêu cầu Công ty Nhà máy CT nhận ông L trở lại làm việc vì Công ty Nhà máy CT đã giải thể. Mặt khác, theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật lao động và Điều 15 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định khi Công ty Nhà máy CT bán máy móc cho Công ty The CS thì cả hai công ty đều phải có phương án sử dụng lao động. Mặc dù giữa ông Phạm Văn L với Công ty TNHH The CS không ký hợp đồng lao động nhưng ông L đã làm việc ở Công ty TNHH The CS 06 ngày nên buộc Công ty TNHH The CS phải có trách nhiệm với người lao động. Nếu cho ông L nghỉ việc thì phải thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Lao động. Vì vậy, ông L khởi kiện Công ty TNHH The CS yêu cầu buộc Công ty TNHH The CS nhận ông Phạm Văn L trở lại làm việc theo vị trí, mức lương và phụ cấp trước đây và bồi thường cho ông L các khoản sau:

1. Buộc Công ty TNHH The CS thanh toán tiền những ngày ông L không được làm việc từ ngày 29/12/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 05 tháng với số tiền 7.225.000 đồng/tháng x 05 tháng = 36.125.000 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH The CS bồi thường hai tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật cho ông L là: 7.225.000 đồng/tháng x 02 tháng = 14.450.000 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH The CS bồi thường về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà không báo trước 45 ngày theo quy định của pháp luật cho ông L là: (7.225.000 đồng : 26 ngày) x 45 ngày = 12.504.807 đồng;

4. Buộc Công ty TNHH The CS phải bồi thường Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian ông L không làm việc tại Công ty TNHH The CS theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội với số tiền 7.947.500 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Phạm Văn L yêu cầu Công ty TNHH The CS phải bồi thường cho ông L là 71.027.307 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là: Phụ lục hợp đồng lao động 093804/PLHD ngày 07/5/2016; Hợp đồng bán máy số 02TL-TCF/TCS ngày 29/9/2016; Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 01/10/2016; Văn bản về việc xác nhận đã có làm việc tại Công ty TNHH The CS; Văn bản về việc xin xác nhận có đến trụ sở Công ty TNHH The CS vào cuối tháng 12/2016 gửi Công đoàn Dệt - May tỉnh Bình Dương; Danh sách công nhân viên không làm việc tại Công ty CS ngày 01/11/2016; Danh sách công nhân viên làm việc tại Cotton Shop.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Trương Thị H trình bày:* Giữa Công ty TNHH The CS (sau đây viết tắt là Công ty CS) với ông Phạm Văn L không có bất kỳ quan hệ lao động nào. Ông L và Công ty CS không ký hợp đồng lao động. Việc ông L có làm việc ở Công ty CS 06 ngày hay không thì cũng không chứng minh được ông L là người lao động của Công ty CS. Về việc dán thông báo giải thể Công ty Nhà máy CT, danh sách công nhân viên làm việc và không làm việc tại Công ty CS tại trụ sở Công ty CS thì Công ty CS khẳng định không cho dán bất kỳ loại văn bản nào như trên tại trụ sở của công ty. Tuy nhiên, liên quan đến các bản danh sách công nhân viên làm việc và không làm việc tại Công ty CS thì tại thời điểm đó, ông Huh Sung M2 đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty CS, đồng thời ông Huh Sung M2 cũng đang là người phụ trách các công việc liên quan đến việc giải thể của Công ty Nhà máy CT. Cùng lúc, bộ phận sản xuất của Công ty CS đang cần tuyển dụng thêm một số lao động để phục vụ nhu cầu hoạt động, sản xuất của Công ty. Do biết được tình hình trên nên ông Huh Sung M2 đã đề xuất với Ban Lãnh đạo Công ty CS tiến hành tuyển dụng mới một số lao động đã nghỉ việc từ Công ty Nhà máy CT và đang có nhu cầu tìm việc làm mới nhằm tạo công ăn việc làm cho các lao động này. Tuy nhiên, nhu cầu tuyển dụng của Công ty CS và số lao động phù hợp là có giới hạn nên Công ty chỉ tuyển dụng những lao động phù hợp, nên ông Huh Sung M2 đã lập các bản danh sách này để thông báo cho người lao động biết những người được công ty tuyển dụng và những người không được hỗ trợ tuyển dụng tại thời điểm đó để họ chủ động tìm kiếm các công việc mới. Như vậy, Công ty Nhà máy CT và Công ty CS là 02 doanh nghiệp hoàn toàn độc lập, không có mối liên hệ gì với nhau. Công ty CS

đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và hoạt động một cách độc lập. Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 1 Điều 45, Điều 46 của Bộ luật Lao động và Khoản 1 Điều 15 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ thì điều quy định: “*Trường hợp chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp, thì người sử dụng lao động trước đó phải lập phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Lao động*”. Do đó, khi Công ty Nhà máy CT chuyển quyền sử dụng tài sản cho Công ty CS thì theo quy định của pháp luật Công ty Nhà máy CT phải có kế hoạch, phương án sử dụng lao động, Công ty CS không có nghĩa vụ lập phương án sử dụng lao động. Công ty CS không có nghĩa vụ phải nhận người lao động của Công ty Nhà máy CT theo bất kỳ quy định nào của pháp luật lao động. Bên cạnh đó, vụ án tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa ông Phạm Văn L với Công ty Nhà máy CT đã được Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết bằng Bản án lao động sơ thẩm số 37/2017/LĐ-ST ngày 29/12/2017. Do đó, cùng một vụ tranh chấp lao động mà người lao động khởi kiện 02 doanh nghiệp độc lập là không hợp lý và không có cơ sở pháp lý. Vì vậy, phía bị đơn Công ty CS đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên căn cứ vào các quy định của pháp luật không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 15/2018/LĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH The CS phải nhận ông L trở lại làm việc và bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền 71.027.307 (Bảy mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/6/2018, ông TG là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Không chấp nhận toàn bộ phán quyết, quyết định của bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử , những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Về nội dung, ông Phạm Văn L ký hợp đồng lao động với Công ty CT, không ký hợp đồng lao động với Công ty CS, nên giữa hai bên không phát sinh quan hệ lao động. Phía nguyên đơn cho rằng: Công ty CT bán máy móc, trang thiết bị cho Công ty CS và chuyển ông L sang làm việc tại Công

ty CS từ ngày 25/10/2016 đến ngày 30/10/2016 nên đã phát sinh quan hệ lao động để khởi kiện yêu cầu Công ty CS phải bồi thường là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 15/2018/LĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương. Những kiến nghị về khắc phục vi phạm thủ tục tố tụng không có.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Sau khi nhận được Bản án lao động sơ thẩm số 15/2018/LĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, ngày 11/6/2018 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông TG có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thị xã T thì Công ty TNHH Nhà máy CT (sau đây gọi tắt là Công ty CT) đã ngưng hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Kim Chul S đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 20/7/2015 (bút lục 194). Do đó, Tòa án nhân dân thị xã T không đưa Công ty CT vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp. Mặt khác, quan hệ lao động giữa ông Phạm Văn L với Công ty CT đã được giải quyết bằng Bản án lao động sơ thẩm số 37/2017/LĐ-ST ngày 29/12/2017 của TAND thị xã TA đã có hiệu lực pháp luật (bút lục 149-156).

Ngày 31/8/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt đại diện nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông TG là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét lại việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo nội dung khởi kiện nguyên đơn cho rằng, có sự chuyển nhượng máy móc giữa Công ty CS với Công ty CT, và nguyên đơn đã được chuyển sang làm việc tại Công ty CS trong 06 ngày nhưng sau đó bị nghỉ việc theo danh sách niêm yết tại Công ty CS là không đúng qui định của pháp luật nên phát sinh tranh chấp, nhận thấy: Theo phụ lục hợp đồng lao động đã ký vào năm 2016 giữa ông Phạm Văn L và Công ty CT thì ông L là người lao động làm việc cho Công ty CT, Công ty CT là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3701307394 đăng ký lần đầu ngày 16/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/10/2015; trụ sở: Khu phố PH3, phường PG, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Còn

Công ty TNHH The CS là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu là L 21, LLC; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3702498487 đăng ký lần đầu ngày 15/9/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/8/2017; trụ sở: Số XY, khu phố B, phường TP, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã T tại Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương, xác định: “*Theo hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TNHH The CS và Công ty TNHH Nhà máy CT thể hiện không có mối quan hệ gì với nhau. Giữa hai Công ty không có sự chia tách, sáp nhập hoặc đổi tên từ Công ty TNHH Nhà máy CT thành Công ty TNHH The CS*” (bút lục 42-43). Như vậy, Công ty CS và Công ty CT là hai doanh nghiệp khác nhau; do đó, Công ty CS không có trách nhiệm đối với người lao động của Công ty CT. Ông Phạm Văn L ký hợp đồng lao động với Công ty CT và được Công ty CT trả lương cho đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động (ngày 01/11/2016). Vì vậy, việc ông L căn cứ vào 06 ngày làm việc tại Công ty CS (từ ngày 25/10/2016 đến ngày 30/10/2016) để xác định giữa ông L và Công ty CS có quan hệ lao động để yêu cầu Công ty CS nhận ông L trở lại làm việc và giải quyết các quyền lợi cho ông L theo quy định của pháp luật là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng chuyển nhượng máy móc giữa Công ty CS và Công ty CT thì đây là sự chuyển nhượng tài sản giữa 02 doanh nghiệp khác nhau, không thuộc trường “*sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp, hợp tác xã*” nên Công ty CS không có nghĩa vụ theo quy định tại Điều 45 của Bộ luật Lao động. Vì vậy, việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu áp dụng Điều 15 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ để buộc Công ty CS phải có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng lao động và bồi thường cho người lao động là không phù hợp. Mặt khác, thời gian ông L làm việc tại Công ty CS (từ ngày 25/10/2016 đến ngày 30/10/2016) là làm việc theo sự điều động của Công ty CT và đã được Công ty CT trả lương theo quy định.

[4] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là danh sách “*Danh sách công nhân viên không làm việc tại Công ty CS ngày 01/11/2016*” thì danh sách này do Công ty CT ban hành, được đóng dấu mộc của Công ty CT (bút lục 17-18), không phải của Công ty CS. Việc Công ty CS lập “*danh sách công nhân viên làm việc tại Công ty CS ngày 01/11/2016*” (bút lục 19-21) là thiện chí của Công ty CS giúp giải quyết việc làm cho một số người lao động rơi vào tình trạng mất việc làm tại Công ty CT, sự việc này không đồng nghĩa với việc giữa Công ty CS với ông Phạm Văn L đã giao kết hợp đồng lao động.

[5] Từ những phân tích tại mục [2], [3] và [4] nêu trên, nhận thấy: Bản án lao động sơ thẩm số 15/2018/LĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đối với Công ty TNHH The CS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Ông TG là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện nguyên đơn. Ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp cho bị đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Văn L được miễn nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông TG là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn L.

- Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 15/2018/LĐ-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

Áp dụng các Điều 32, 35, 147, 266, 269, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 22, 45, 46 và 201 của Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH The CS phải nhận ông L trở lại làm việc và bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền 71.027.307 (Bảy mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bảy) đồng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí.

- Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Phạm Văn L được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 11/9/2018./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhân**